TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **655**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 756/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Đào Thị Tịnh Y, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Tịnh Y qua thời gian tìm hiểu nhau thì có đi đến kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã H, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lý do làm đơn mong Tòa án nhân dân Thành phố Huế công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai người đều có tình cảm với người khác, không thể tiếp tục sống với nhau nữa đã sống ly thân từ lâu nên đã làm đơn xin thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Đào Bảo N, sinh ngày 01/9/2021.

Vợ chồng thỏa thuận: Giao cháu Phạm Đào Bảo N cho chị Đào Thị Tịnh Y trực tiếp nuôi dưỡng và anh Phạm Văn T là người cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 09 năm 2023 cho đến khi cháu N đủ 22 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh Phạm Văn T đã nộp án phí 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006551 ngày 25/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Tịnh Y thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 01 con chung là cháu Phạm Đào Bảo N sinh ngày 01/9/2021.

Vợ chồng thỏa thuận: Giao cháu Phạm Đào Bảo N cho chị Đào Thị Tịnh Y trực tiếp nuôi dưỡng và anh Phạm Văn T là người cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 09 năm 2023 cho đến khi cháu N đủ 22 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết

5. Về Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Anh Phạm Văn T đã nộp án phí 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006551 ngày 25/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Dương, thành phố Huế, tỉnh TT Huế;
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng